

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2024/KDTM-PT

Ngày: 26/7/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Bà Lưu Thị Đoàn Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 94/2024/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2024 về: “tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 189/2023/KDTM-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3112/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9214/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng B, Địa chỉ trụ sở: Số 194 đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đăng K, sinh năm 1976, địa chỉ: Số 229 đường Đ, Phường O, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Lương Thị Vân A, sinh năm 1991, địa chỉ: Số 24 đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo uỷ quyền (Quyết định uỷ quyền tham gia tố tụng số 829/BIDV-TTXLN2 ngày 08/9/2022).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Đầu tư và Phát triển kinh tế H; Địa chỉ trụ sở: Tầng 19, Số 4 đường N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Việt H, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 12 đường A, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng Việt H, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 12 đường A, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội.

- Ông Lê Quốc L, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện B, thành phố Hà Nội.

- Ông Bùi Doãn H, sinh năm 1980; Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1979; Trẻ Bùi Lê Kim C, sinh năm 2005; Trẻ Bùi Doãn T, sinh năm 2008 và trẻ Bùi Lê Diệu H, sinh năm 2012; Địa chỉ: Số 21A, 21B, 21C đường N (Số cũ là 2, 3, 4 Nhà N10 Khu TTQĐ Cục Quân Y), Tổ 26, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Bà Vân A đại diện nguyên đơn và ông H, bà T có mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện số 831/BIDV-TTXLN2 ngày 08/9/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Đăng K trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Đầu tư và Phát triển kinh tế H ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/9300639/HĐTD ngày 03/7/2018 kèm theo Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng để cấp cho bị đơn hạn mức tín dụng thường xuyên với hạn mức cho vay số tiền tối đa là 35.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản bảo đảm nghĩa vụ thanh toán, gồm:

1. Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Số 2, Nhà N10 Khu TTQĐ Cục Quân Y, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 448362, số vào sổ CS31330 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Đặng Việt H ngày 06/7/2018) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2018/9300639/HĐBĐ ngày 09/7/2018 ký giữa nguyên đơn và ông Đặng Việt H được Văn phòng Công chứng T - thành phố Hà Nội chứng nhận số công chứng 1628.2018/HĐTC, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/7/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai H ngày 09/7/2018.

2. Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Số 3, Nhà N10 Khu TTQĐ Cục Quân Y, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 448363, số vào sổ CS31331 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Đặng Việt H ngày 06/7/2018) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2018/9300639/HĐBĐ ngày 09/7/2018 ký giữa nguyên đơn và ông Đặng Việt H được Văn phòng Công chứng T - thành phố Hà Nội chứng nhận số công chứng 1627.2018/HĐTC, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/7/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai H ngày 09/7/2018.

3. Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Số 4, Nhà N10 Khu TTQĐ Cục Quân Y, phường T, quận C, thành phố Hà Nội

(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 448364, số vào sổ CS31332 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Đặng Việt H ngày 06/7/2018) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/9300639/HĐBĐ ngày 09/7/2018 ký giữa nguyên đơn và ông Đặng Việt H được Văn phòng Công chứng T - thành phố Hà Nội chứng nhận số công chứng 1626.2018/HĐTC, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/7/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai H ngày 09/7/2018.

4. Quyền sử dụng đất thửa đất số 100-1, tờ bản đồ số 03 tại thôn Y, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 575136, số vào sổ CS14241 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Lê Quốc L ngày 05/4/2018) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2018/9300639/HĐBĐ ngày 30/7/2018 ký giữa nguyên đơn và ông Lê Quốc L được Văn phòng Công chứng T - thành phố Hà Nội chứng nhận số công chứng 1816.2018/HĐTC, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/7/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai H ngày 30/7/2018 (Theo Chứng thư thẩm định giá số 170718b/TĐG-CT ngày 17/7/2018 của Công ty TNHH Kiểm toán A có giá trị 5.516.000.000 đồng).

5. Quyền sử dụng đất thửa đất số 100-2, tờ bản đồ số 03 tại thôn Y, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 575135, số vào sổ CS14242 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Lê Quốc L ngày 05/4/2018) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 05/2018/9300639/HĐBĐ ngày 30/7/2018 ký giữa nguyên đơn và ông Lê Quốc L được Văn phòng Công chứng T - thành phố Hà Nội chứng nhận số công chứng 1814.2018/HĐTC, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/7/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai H ngày 30/7/2018 (Theo Chứng thư thẩm định giá số 170718a/TĐG-CT ngày 17/7/2018 của Công ty TNHH Kiểm toán A có giá trị 7.252.000.000 đồng).

6. Quyền sử dụng đất thửa đất số 100-3, tờ bản đồ số 03 tại thôn Y, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 575134, số vào sổ CS14243 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Lê Quốc L ngày 05/4/2018) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 06/2018/9300639/HĐBĐ ngày 30/7/2018 ký giữa nguyên đơn và ông Lê Quốc L được Văn phòng Công chứng T - thành phố Hà Nội chứng nhận số công chứng 1815.2018/HĐTC, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/7/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai H ngày 30/7/2018 (Theo Chứng thư thẩm định giá số 170718/TĐG-CT ngày 17/7/2018 của Công ty TNHH Kiểm toán A có giá trị 4.018.000.000 đồng).

Nguyên đơn và bị đơn có ký các hợp đồng tín dụng cụ thể và nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn tổng cộng là 34.994.857.000 đồng, gồm:

1. Theo Đề nghị thanh toán số 51/CV-2018 ngày 04/12/2018 kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000068 ngày 01/12/2018 của Công ty Cổ phần F, bị đơn ký Hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 04/12/2018 đề nghị nguyên đơn cho rút số tiền vay 1.198.000.000 đồng và nguyên đơn ký Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 04/12/2018 đồng ý để bị đơn được vay vốn để thanh toán các khoản nợ với tổng số tiền là 1.198.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 04/12/2018, ngày đáo hạn 04/6/2019; Lãi suất vay trong hạn 6,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); Lãi chậm trả: Không áp dụng. Bị đơn đã thanh toán 704.000.000 đồng nợ gốc, 30.294.629 đồng nợ lãi trong hạn, còn nợ 494.000.000 đồng nợ gốc, 8.134.083 đồng nợ lãi trong hạn, 329.260.439 đồng nợ lãi quá hạn;

2. Theo Đề nghị thanh toán số 13/CV-2019 ngày 03/01/2019 kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000090 ngày 03/01/2019 của Công ty Cổ phần F, bị đơn ký Hợp đồng tín dụng cụ thể năm 2019 đề nghị nguyên đơn cho rút số tiền vay 2.172.000.000 đồng và nguyên đơn ký Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 04/01/2019 đồng ý để bị đơn được vay vốn để thanh toán các khoản nợ với tổng số tiền là 2.172.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 04/01/2019, ngày đáo hạn 04/7/2019; Lãi suất vay trong hạn 6,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); Lãi chậm trả: Không áp dụng. Bị đơn đã thanh toán 42.934.192 đồng nợ lãi trong hạn, còn nợ 2.172.000.000 đồng nợ gốc, 27.075.617 đồng nợ lãi trong hạn, 890.014.192 đồng nợ lãi quá hạn;

3. Theo Đề nghị thanh toán số 19/CV-2019 ngày 07/01/2019 kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000093 ngày 07/01/2019 của Công ty Cổ phần F, bị đơn ký Hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 07/01/2019 đề nghị nguyên đơn cho rút số tiền vay 2.172.000.000 đồng và nguyên đơn ký Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 07/01/2019 đồng ý để bị đơn được vay vốn để thanh toán các khoản nợ với tổng số tiền là 2.172.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 07/01/2019, ngày đáo hạn 07/7/2019; Lãi suất vay trong hạn 6,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); Lãi chậm trả: Không áp dụng. Bị đơn đã thanh toán 41.773.808 đồng nợ lãi trong hạn, còn nợ 2.172.000.000 đồng nợ gốc, 28.622.795 đồng nợ lãi trong hạn, 887.693.425 đồng nợ lãi quá hạn;

4. Theo Đề nghị thanh toán số 27/CV-2019 ngày 08/01/2019 kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000098 ngày 08/01/2019 của Công ty Cổ phần F, bị đơn ký Hợp đồng tín dụng cụ thể năm 2019 đề nghị nguyên đơn cho rút số tiền vay 2.396.000.000 đồng và nguyên đơn ký Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 08/01/2019 đồng ý để bị đơn được vay vốn để thanh toán các khoản nợ với tổng số tiền là 2.396.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 08/01/2019, ngày đáo hạn 08/7/2019; Lãi suất vay trong hạn 6,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất

trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); Lãi chậm trả: Không áp dụng. Bị đơn đã thanh toán 45.655.288 đồng nợ lãi trong hạn, còn nợ 2.396.000.000 đồng nợ gốc, 31.574.685 đồng nợ lãi trong hạn, 979.241.918 đồng nợ lãi quá hạn;

5. Theo Đề nghị thanh toán số 33/CV-2019 ngày 14/01/2019 kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000045 ngày 14/01/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển L, bị đơn ký Hợp đồng tín dụng cụ thể năm 2019 đề nghị nguyên đơn cho rút số tiền vay 2.172.000.000 đồng và nguyên đơn ký Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 15/01/2019 đồng ý để bị đơn được vay vốn để thanh toán các khoản nợ với tổng số tiền là 2.172.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 15/01/2019, ngày đáo hạn 15/7/2019; Lãi suất vay trong hạn 6,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); Lãi chậm trả: Không áp dụng. Bị đơn đã thanh toán 38.679.452 đồng nợ lãi trong hạn, còn nợ 2.172.000.000 đồng nợ gốc, 31.330.356 đồng nợ lãi trong hạn, 883.632.083 đồng nợ lãi quá hạn;

6. Theo Đề nghị thanh toán số 37/CV-2019 ngày 15/01/2019 kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000047 ngày 14/01/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển L, bị đơn ký Hợp đồng tín dụng cụ thể năm 2019 đề nghị nguyên đơn cho rút số tiền vay 2.172.000.000 đồng và nguyên đơn ký Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 15/01/2019 đồng ý để bị đơn được vay vốn để thanh toán các khoản nợ với tổng số tiền là 2.172.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 15/01/2019, ngày đáo hạn 15/7/2019; Lãi suất vay trong hạn 6,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); Lãi chậm trả: Không áp dụng. Bị đơn đã thanh toán 38.679.452 đồng nợ lãi trong hạn, còn nợ 2.172.000.000 đồng nợ gốc, 31.330.356 đồng nợ lãi trong hạn, 883.632.083 đồng nợ lãi quá hạn;

7. Theo Đề nghị thanh toán số 41/CV-2019 ngày 16/01/2019 kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000051 ngày 15/01/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển L, bị đơn ký Hợp đồng tín dụng cụ thể năm 2019 đề nghị nguyên đơn cho rút số tiền vay 4.030.000.000 đồng và nguyên đơn ký Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 16/01/2019 đồng ý để bị đơn được vay vốn để thanh toán các khoản nợ với tổng số tiền là 4.030.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 16/01/2019, ngày đáo hạn 16/7/2019; Lãi suất vay trong hạn 6,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); Lãi chậm trả: Không áp dụng. Bị đơn đã thanh toán 71.049.452 đồng nợ lãi trong hạn, còn nợ 4.030.000.000 đồng nợ gốc, 58.849.041 đồng nợ lãi trong hạn, 1.638.443.425 đồng nợ lãi quá hạn;

8. Theo Đề nghị thanh toán số 51/CV-2019 ngày 21/01/2019 kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000055 ngày 18/01/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển L, bị đơn ký Hợp đồng tín dụng cụ thể số 1701/2018/9300639/HĐTD ngày 21/01/2019 đề nghị nguyên đơn cho rút số tiền vay 4.214.000.000 đồng và

nguyên đơn ký Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 21/01/2019 đồng ý để bị đơn được vay vốn để thanh toán các khoản nợ với tổng số tiền là 4.214.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 21/01/2019, ngày đáo hạn 21/7/2019; Lãi suất vay trong hạn 6,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); Lãi chậm trả: Không áp dụng. Bị đơn đã thanh toán 70.541.205 đồng nợ lãi trong hạn, còn nợ 4.214.000.000 đồng nợ gốc, 66.038.575 đồng nợ lãi trong hạn, 1.706.496.822 đồng nợ lãi quá hạn;

9. Theo Đề nghị thanh toán số 55/CV-2019 ngày 23/01/2019 kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000057 ngày 22/01/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển L, bị đơn ký Hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 25/01/2019 đề nghị nguyên đơn cho rút số tiền vay 5.346.857.000 đồng và nguyên đơn ký Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 25/01/2019 đồng ý để bị đơn được vay vốn để thanh toán các khoản nợ với tổng số tiền là 5.346.857.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 25/01/2019, ngày đáo hạn 25/7/2019; Lãi suất vay trong hạn 6,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); Lãi chậm trả: Không áp dụng. Bị đơn đã thanh toán 85.696.200 đồng nợ lãi trong hạn, còn nợ 5.346.857.000 đồng nợ gốc, 86.648.380 đồng nợ lãi trong hạn, 2.160.972.542 đồng nợ lãi quá hạn;

10. Theo Đề nghị thanh toán số 119/CV-2019 ngày 06/5/2019 kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000133 ngày 06/5/2019 của Công ty Cổ phần F, bị đơn ký Hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 06/5/2019 đề nghị nguyên đơn cho rút số tiền vay 380.000.000 đồng và nguyên đơn ký Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 06/5/2019 đồng ý để bị đơn được vay vốn để thanh toán các khoản nợ với tổng số tiền là 380.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 06/5/2019, ngày đáo hạn 06/11/2019; Lãi suất vay trong hạn 6,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); Lãi chậm trả: Không áp dụng. Bị đơn đã thanh toán 1.421.096 đồng nợ lãi trong hạn, còn nợ 380.000.000 đồng nợ gốc, 11.030.411 đồng nợ lãi trong hạn, 143.023.151 đồng nợ lãi quá hạn;

11. Theo Đề nghị thanh toán số 129/CV-2019 ngày 23/5/2019 kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000141 ngày 23/5/2019 của Công ty Cổ phần F, bị đơn ký Hợp đồng tín dụng cụ thể năm 2019 đề nghị nguyên đơn cho rút số tiền vay 4.190.000.000 đồng và nguyên đơn ký Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 23/5/2019 đồng ý để bị đơn được vay vốn để thanh toán các khoản nợ với tổng số tiền là 4.190.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng; Ngày giải ngân 23/5/2019, ngày đáo hạn 23/11/2019; Lãi suất vay trong hạn 6,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); Lãi chậm trả: Không áp dụng. Bị đơn chưa thanh toán, còn nợ 4.190.000.000 đồng nợ gốc, 138.786.577 đồng nợ lãi trong hạn, 1.555.752.740 đồng nợ lãi quá hạn;

12. Theo Đề nghị thanh toán số 135/CV-2019 ngày 24/5/2019 kèm theo Hóa

đơn giá trị gia tăng số 0000145 ngày 24/5/2019 của Công ty Cổ phần F, bị đơn ký Hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 24/5/2019 đề nghị nguyên đơn cho rút số tiền vay 4.552.000.000 đồng và nguyên đơn ký Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 24/5/2019 đồng ý đề bị đơn được vay vốn để thanh toán các khoản nợ với tổng số tiền là 4.552.000.000 đồng; Thời hạn vay 08 tháng; Ngày giải ngân 23/5/2019, ngày đáo hạn 23/11/2019; Lãi suất vay trong hạn 6,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); Lãi chậm trả: Không áp dụng. Bị đơn chưa thanh toán, còn nợ 4.552.000.000 đồng nợ gốc, 203.468.163 đồng nợ lãi trong hạn, 1.609.911.453 đồng nợ lãi quá hạn.

Tính đến ngày 15/9/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn 48.681.820.312 đồng, gồm: 34.290.857.000 đồng nợ gốc, 722.889.039 đồng nợ lãi trong hạn và 13.668.074.273 đồng nợ lãi quá hạn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 48.681.820.312 đồng còn nợ tạm tính đến ngày 15/9/2023 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/9/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/9300639/HĐTD ngày 03/7/2018 kèm theo Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng và các Hợp đồng tín dụng cụ thể kèm theo Phần xét duyệt của ngân hàng.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Bùi Doãn H và bà Lê Thị Kim T thì nguyên đơn không đồng ý.

Ông Bùi Doãn H và bà Lê Thị Kim T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có Bản ý kiến kèm đơn yêu cầu độc lập ngày 08/4/2023, Yêu cầu độc lập ngày 05/6/2023 và trình bày:

Ông, bà là chủ sử dụng, chủ sở hữu hợp pháp của 03 thửa đất Số 21A, 21B, 21C đường N (Số cũ là 2, 3, 4 Nhà N10 Khu TTQĐ Cục Quân Y), Tổ 26, phường T, quận C, thành phố Hà Nội và trên đất là căn nhà 05 tầng với tổng diện tích 648,3m² do ông, bà xây dựng từ năm 2012. Ông, bà đã và đang sinh sống ổn định tại căn nhà trên.

Năm 2009 đến năm 2011, ông, bà mua các thửa đất trên, cả 03 thửa đất đứng tên ông, bà và đã xây dựng trên 03 thửa đất 01 ngôi nhà 05 tầng và cùng 03 con là Bùi Lê Kim C, Bùi Doãn T, Bùi Lê Diệu H sinh sống cho đến nay.

Năm 2018, do nhu cầu về tài chính nên ông, bà nhượng lại quyền sử dụng 03 thửa đất trên cho ông Đặng Việt H với giá 19.350.000.000 đồng, không bao gồm căn nhà 05 tầng trên đất, phương thức thanh toán: Lần 1: Ông Đặng Việt H đặt cọc 13.500.000.000 đồng, ông, bà đồng ý ký hợp đồng chuyển nhượng không ghi ngày tháng (công chứng treo) và ông Đặng Việt H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Lần 2: Muộn nhất là ngày 05/7/2019, ông Đặng Việt H thanh toán

5.850.000.000 đồng và được toàn quyền sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Căn nhà 05 tầng trên đất vẫn là tài sản của ông, bà và sau khi ông Đặng Việt H hoàn thành nghĩa vụ thanh toán phần đất, ông, bà thỏa thuận sẽ yêu cầu cơ quan thẩm định giá độc lập định giá lấy căn cứ để ông Đặng Việt H thanh toán cho ông, bà phần giá trị tài sản trên đất trước khi tiến hành bàn giao tài sản (được lập thành văn bản ngày 05/7/2018 và được lập vi bằng). Sau khi ông Đặng Việt H thanh toán lần 1 và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đặng Việt H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận. Ông, bà có ý kiến như sau:

- Ông Đặng Việt H chưa phải là chủ sở hữu đầy đủ, hợp pháp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03 thửa đất Số 21A, 21B, 21C đường N (Số cũ là 2, 3, 4 Nhà N10 Khu TTQĐ Cục Quân Y), Tổ 26, phường T, quận C, thành phố Hà Nội vì các bên chưa hoàn thành xong thỏa thuận nên việc ông Đặng Việt H sử dụng 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp là trái pháp luật. Ông, bà nhận thấy có yếu tố lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Đặng Việt H;

- Ông Đặng Việt H thế chấp, bảo lãnh cho khoản vay có giá trị lớn hơn nhiều so với giá thực tế (giá thị trường tại thời điểm thế chấp), đây là sai phạm nghiêm trọng của cán bộ ngân hàng khi cho vay vượt giá trị tài sản. Ông, bà nhận thấy có dấu hiệu của việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây hậu quả cho ngân hàng của đơn vị định giá, nhân viên ngân hàng và bị đơn;

- Trên 03 thửa đất có căn nhà 05 tầng là tài sản hợp pháp của ông, bà, không thuộc phạm vi thỏa thuận mua bán với ông Đặng Việt H. Căn nhà là tài sản cá nhân của ông, bà và hiện vẫn sinh sống tại đây.

Ông, bà có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông Đặng Việt H với nguyên đơn có liên quan đến 03 thửa đất Số 2, 3, 4 Nhà N10 Khu TTQĐ Cục Quân Y, phường T, quận C, thành phố Hà Nội và buộc ông Đặng Việt H phải hoàn trả lại cho ông, bà 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và khắc phục hậu quả với nguyên đơn (nếu có).

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 189/2023/KDTM-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận A đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B

Buộc Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Đầu tư và Phát triển kinh tế H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng B 48.681.820.312 đồng còn nợ tính đến ngày 15/9/2023, gồm: 34.290.857.000 đồng nợ gốc, 722.889.039 đồng nợ lãi trong hạn và 13.668.074.273 đồng nợ lãi quá hạn (Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/9300639/HĐTD ngày 03/7/2018 kèm theo Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng; Hợp đồng tín dụng cụ thể và Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 04/12/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể và Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 04/01/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể và Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 07/01/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể và Phần xét duyệt của ngân hàng ngày

08/01/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể và Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 15/01/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể và Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 15/01/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể và Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 16/01/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 1701/2018/9300639/HĐTD và Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 21/01/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể và Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 25/01/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể và Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 06/5/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể và Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 23/5/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể và Phần xét duyệt của ngân hàng ngày 24/5/2019).

Trường hợp Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Đầu tư và Phát triển kinh tế H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật để thi hành án, gồm:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Số 2, Nhà N10 Khu TTQĐ Cục Quân Y, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 448362, số vào sổ CS31330 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Đặng Việt H ngày 06/7/2018) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2018/9300639/HĐBĐ ngày 09/7/2018 được Văn phòng Công chứng T - thành phố Hà Nội chứng nhận số công chứng 1628.2018/HĐTC, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/7/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai H ngày 09/7/2018.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Số 3, Nhà N10 Khu TTQĐ Cục Quân Y, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 448363, số vào sổ CS31331 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Đặng Việt H ngày 06/7/2018) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2018/9300639/HĐBĐ ngày 09/7/2018 được Văn phòng Công chứng T - thành phố Hà Nội chứng nhận số công chứng 1627.2018/HĐTC, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/7/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai H ngày 09/7/2018.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Số 4, Nhà N10 Khu TTQĐ Cục Quân Y, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 448364, số vào sổ CS31332 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Đặng Việt H ngày 06/7/2018) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/9300639/HĐBĐ ngày 09/7/2018 được Văn phòng Công chứng T - thành phố Hà Nội chứng nhận số công chứng 1626.2018/HĐTC, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/7/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai H ngày 09/7/2018.

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 100-1, tờ bản đồ số 03 tại thôn Y, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 575136, số vào sổ CS14241 do Sở

Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Lê Quốc L ngày 05/4/2018) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2018/9300639/HĐBĐ ngày 30/7/2018 được Văn phòng Công chứng T - thành phố Hà Nội chứng nhận số công chứng 1816.2018/HĐTC, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/7/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai H ngày 30/7/2018.

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 100-2, tờ bản đồ số 03 tại thôn Y, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 575135, số vào sổ CS14242 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Lê Quốc L ngày 05/4/2018) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 05/2018/9300639/HĐBĐ ngày 30/7/2018 được Văn phòng Công chứng T - thành phố Hà Nội chứng nhận số công chứng 1814.2018/HĐTC, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/7/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai H ngày 30/7/2018.

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 100-3, tờ bản đồ số 03 tại thôn Y, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 575134, số vào sổ CS14243 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Lê Quốc L ngày 05/4/2018) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 06/2018/9300639/HĐBĐ ngày 30/7/2018 được Văn phòng Công chứng T - thành phố Hà Nội chứng nhận số công chứng 1815.2018/HĐTC, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/7/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai H ngày 30/7/2018.

Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản cầm cố, thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán được xác định là nghĩa vụ không có bảo đảm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bổ sung tài sản bảo đảm. Bên nhận bảo đảm là Ngân hàng B có quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ được bảo đảm là Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Đầu tư và Phát triển kinh tế H phải thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông Bùi Doãn H, bà Lê Thị Kim T về việc yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu các hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông Đặng Việt H và Ngân hàng B có liên quan đến 03 thửa đất Số 2, 3, 4 Nhà N10 Khu TTQĐ Cục Quân Y, phường T, quận C, thành phố Hà Nội và yêu cầu ông Đặng Việt H phải hoàn trả lại cho ông, bà 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến 03 thửa đất Số 2, 3, 4 Nhà N10 Khu TTQĐ Cục Quân Y, phường T, quận C, thành phố Hà Nội và khắc phục hậu quả với nguyên đơn (nếu có). Ông Bùi Doãn H, bà Lê Thị Kim T không có quyền khởi kiện lại đối với các yêu cầu độc lập này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/10/2023, ông H có đơn kháng cáo. Bà T có đơn kháng cáo ngày 20/10/2023 đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do quy trình tố tụng, tổng đạt

của Tòa án chưa thỏa đáng nên ông bà đã không được biết, không được mời tham gia phiên tòa. Việc này làm ảnh hưởng vô cùng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông bà và những người liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ý kiến của các đương sự vẫn giữ nguyên như đã nêu trong đơn và trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án số 189/2023/KDTM-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận A có nhiều vi phạm về thủ tục tố tụng không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm. Do đó, có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông H và bà T. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị hủy bản án số 189/2023/KDTM-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận A và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 15/9/2023, Tòa án nhân dân Quận A đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 189/2023/KDTM-ST, ông Bùi Doãn H và bà Lê Thị Kim T vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 10/10/2023, ông H và bà T nhận được tổng đạt Bản án số 189. Ngày 17/10/2023 ông H kháng cáo và ngày 20/10/2023 bà T kháng cáo. Tuy nhiên, chỉ có bà T nộp tạm ứng án phí kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của bà T còn trong hạn luật định nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam khởi kiện đối với bị đơn Công ty CP Tư vấn quản lý đầu tư và phát triển kinh tế H có trụ sở tại Quận A Thành phố Hồ Chí Minh về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; tại điểm b khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân Quận A có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do có kháng

cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung:

Bà Lê Thị Kim T kháng cáo Bản án sơ thẩm cho rằng bà không được biết, không được mời tham gia phiên tòa. Việc tổng đạt và quy trình tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Do bà T có địa chỉ tại quận C, Hà Nội nên Tòa án nhân dân Quận A đã thực hiện ủy thác tư pháp để Tòa án nhân dân quận C tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa cho bà T. Ngày 11/9/2023, Tòa án nhân dân Quận C đã có giấy triệu tập đối với bà Lê Thị Kim T, ông Bùi Doãn H, cháu Bùi Lê Kim C, cháu Bùi Doãn T và cháu Bùi Lê Diệu H đúng 14 giờ 30 phút ngày 15/9/2023 có mặt tại phòng 101 Trụ sở Tòa án nhân dân Quận C thành phố Hà Nội (địa chỉ số 6 phố T, phường D, quận C, Hà Nội) để nhận Quyết định hoãn phiên tòa số 6453/QĐST-KDTM ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận A thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, tại Quyết định hoãn phiên tòa số 6453 ghi nhận thời gian diễn ra phiên tòa là 08 giờ ngày 15/9/2023. Như vậy, thời gian Tòa án nhân dân quận C Hà Nội mời bà T lên nhận Quyết định hoãn phiên tòa xảy ra sau thời điểm diễn ra phiên tòa và thực tế bà T không thể tham gia đúng thời gian mở ra phiên tòa do không được tổng đạt đúng quy định. Mặc dù bà T không nhận được tổng đạt hợp lệ nên không có mặt tham gia phiên tòa nhưng Tòa án nhân dân Quận A vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T. Do đó, kháng cáo của bà T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm quy trình tố tụng trong việc tổng đạt thông báo cho đương sự làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà là có căn cứ để chấp nhận.

Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, yêu cầu kháng cáo của đương sự là có căn cứ và ý kiến của đại diện VKSND Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Hủy bản án sơ thẩm. Nội dung của việc tranh chấp sẽ được giải quyết lại tại cấp sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Áp dụng Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 189/2023/KDTM - ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận A, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 1 giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Kim T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0046184 ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận A;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Như Mai

